

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KVA
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 7 - 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KVA, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân KVA, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KVA, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân KVA, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện TL về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp ĐL, xã DB, huyện TL, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp ĐL, xã DB, huyện TL, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Bà và ông Trần Văn K chung sống, có tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1988-1989 nhưng không đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật. Ông, bà có 02 người con chung tên Trần Thu Th, sinh năm 1992 và Trần Văn Th1, sinh năm 1995. Các con hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường. Bà và ông K không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Vợ chồng bà đã không còn sống chung với nhau 20 năm. Bà yêu cầu được ly hôn với ông K vì không còn tình cảm. Ngoài ra, không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

Ông Trần Văn K trình bày: Ông và bà Trương Thị T chung sống, có tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1988-1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông, bà có 02 người con chung tên Trần Thu Th, sinh năm 1992 và Trần Văn Th1, sinh năm 1995. Các con hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường. Ông và bà T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Vợ chồng ông đã không còn sống chung với nhau 20 năm. Ông thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà T. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay ý kiến nào khác. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị không công nhận bà Trương Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng; Về con chung, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn K trú tại ấp ĐL, xã DB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL (nay là Tòa án KVA – Cần Thơ).

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị T và ông Trần Văn K xác định ông bà chung sống từ khoảng năm 1988-1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ xác nhận của UBND xã DB, xác định bà T và ông K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 14 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà Trương Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông K có 02 người con chung tên Trần Thu Th, sinh năm 1992 và Trần Văn Th1, sinh năm 1995. Hiện nay Th và Th1 đã trưởng thành và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông K thống nhất xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005000 ngày 04/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL (nay là phòng thi hành án dân sự KVA – Cần Thơ) được chuyển thu án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KVA – Cần Thơ;
- Phòng THADS KVA – Cần Thơ;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm